

HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÂN LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH THỦY SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Thanh Toàn¹, Lê Xuân Sinh¹, Huỳnh Văn Hiền¹

ABSTRACT

A research on the Status of man-power for the development of fishery sector in the Mekong River Delta was carried out from April 2006 to November 2007. The objectives were (1) to update the information on the quantity as well as quality of technical and managerial man-power for fishery sector in the Mekong Delta; (2) to estimate the demand for man-power needed for the development of fishery sector in this region. A set of four types of questionnaires were designed, pretested and used for: (i) graduated students (150 samples); (ii) last year students (120 samples); (iii) local officers (13 samples); (iv) businesses, educational and training institutions relating to fishery sector (50 samples).

The results show that the number of entrants and that of graduated students have been grown up. There were 3,936 students graduated, of which about 91% got their jobs in fishery or in the related sectors. The percentage of students who graduated in each batch not high, but increased recently. About 26,5 % of the total number of graduates did not have the jobs related to their background, specially in the case of graduates with fishing background due to the instability of fishing sub-sector. Nearly 50% of the number of graduated students said that studying aquaculture and fisheries were very attractive. The educational curriculum for training undergraduates in Cantho University was commented to be still too much on theory but lack of practices.

Nowadays and in the near future, the demand for educated man-power of the sector is increasing. It is estimated that from now to the year of 2010 and 2015, about 20 postgraduates and 250-300 bachelors should be yearly provided to the fishery sector in the Mekong River Delta.

Keywords: Man-power, fishery sector, education, training, Mekong River Delta

Title: Status of man-power for the development of fishery sector in the Mekong River Delta

TÓM TẮT

Nghiên cứu về hiện trạng nhân lực cho sự phát triển thủy sản ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện từ tháng 04/2006-12/2007. Mục tiêu của đề tài nhằm nắm bắt được các thông tin cả về số lượng và chất lượng cán bộ kỹ thuật và quản lý ngành thủy sản đã được đào tạo trước đây từ trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT), đồng thời nắm được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của ngành thủy sản trong vùng.

Khảo sát được tiến hành thông qua việc sử dụng các bảng câu hỏi được soạn sẵn, phỏng vấn thử và hiệu chỉnh trên các nhóm: cựu sinh viên (150 mẫu); sinh viên đang học năm cuối (120 mẫu); cán bộ quản lý địa phương (13 mẫu); người sử dụng lao động ở các cơ quan và doanh nghiệp trong cũng như ngoài quốc doanh cũng như cơ sở có tham gia đào tạo nhân lực cho ngành thủy sản (50 mẫu).

Kết quả cho thấy số lượng sinh viên theo học ngành thủy sản ở ĐHCT ngày càng tăng, có khoảng 3.936 sinh viên trong đó đại học chính quy là 2.047 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đối với mỗi khóa học chưa cao nhưng đã có sự tăng dần qua các năm gần đây. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành thủy sản ra trường có việc làm khá cao chiếm 90,7%, chủ yếu họ đang làm việc trong lĩnh vực thủy sản hoặc các lĩnh vực có liên quan đến thủy sản. Có 26,5 % kỹ sư ra trường không làm đúng ngành nghề đã được đào tạo, cao nhất là kỹ sư Khai thác thủy sản do nghề khai thác hải sản có bấp bênh và khó kiếm được việc làm ổn định. Tuy nhiên, mức độ hấp dẫn của ngành học theo đánh giá của sinh viên mới ở mức 48,07%. Chương trình đào tạo kỹ sư thủy sản ở trường ĐHCT được đánh giá là còn nặng về lý thuyết và cần phải được chú ý hơn về thực hành.

¹ Bộ môn Quản lý và Kinh tế nghề cá, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

Hiện nay và sắp tới lực lượng kỹ thuật của ngành thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế. Do đó từ nay tới năm 2010 và 2015 mỗi năm ngành thủy sản ở ĐBSCL cần thêm khoảng 20 người có trình độ sau đại học và 250-300 kỹ sư thủy sản.

Từ khóa: Nguồn nhân lực, ngành thủy sản, đào tạo, Đồng bằng sông Cửu Long

1 GIỚI THIỆU

Ngành thủy sản đóng vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế nước ta, đặc biệt trong tiến trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một vùng kinh tế quan trọng của Việt Nam. Đồng bằng này được xem như là vùng có những điều kiện thuận lợi cho phát triển thủy sản nhờ vào tiềm năng diện tích mặt nước biển, ven biển và nội đồng rất lớn cũng như các điều kiện khác về tự nhiên và kinh tế-xã hội. Đã và đang có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư phát triển ngành thủy sản ở cấp độ toàn vùng và ở từng địa phương. Đối với hiện tại và tương lai phát triển của ngành thủy sản vùng ĐBSCL, thì việc thiếu lực lượng lao động được đào tạo đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng được coi là một trong những trở ngại cơ bản. Khoa Thủy Sản - Đại học Cần Thơ (KTS - ĐHCT) đã và đang cung cấp hơn 60% số lao động kỹ thuật hoạt động trong ngành thủy sản và các lĩnh vực có liên quan ở ĐBSCL, đồng thời triển khai nhiều hoạt động đào tạo và tập huấn cán bộ cho các cơ sở đào tạo khác cũng như các hoạt động khuyến ngư trong khu vực.

Trước đây đã có hai nghiên cứu về lực lượng cán bộ kỹ thuật và quản lý ngành thủy sản ở ĐBSCL của các tác giả Lê Xuân Sinh *et al.*(1997), Nguyễn Thanh Long *et al.*(1999). Từ năm 2000, với chính sách khuyến khích chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp cũng như tác động của sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường thì nhu cầu nhân lực cho phát triển ngành thủy sản đã có những thay đổi lớn do tác động từ sự phát triển của ngành. KTS-ĐHCT đã, đang và sẽ tiếp tục đóng một vai trò hết sức quan trọng để đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của ngành thủy sản ở ĐBSCL. Điều đó đặt ra yêu cầu cho KTS-ĐHCT tiến hành một nghiên cứu tiếp tục để cập nhật thông tin, nắm bắt thực trạng đào tạo và sử dụng cũng như nhu cầu về lực lượng lao động có trình độ đại học cho ngành thủy sản trong vùng.

Mục tiêu của nghiên cứu này là thu thập và phân tích các thông tin cả về số lượng và chất lượng của kỹ sư thủy sản đã tốt nghiệp cũng như sinh viên hiện theo học của KTS-ĐHCT, nhằm nắm bắt được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của ngành thủy sản trong vùng (ĐBSCL). Trên cơ sở đó góp phần giúp định hướng đào tạo và đổi mới chương trình cũng như phương pháp đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2 NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được tiến hành từ tháng 4/2006 đến tháng 12/2007 với những nội dung cơ bản sau:

Thống kê số lượng kỹ sư thủy sản đã tốt nghiệp từ KTS-ĐHCT.

Đánh giá sự hài lòng của cựu sinh viên và sinh viên đang học năm cuối về chương trình đào tạo phương pháp giảng dạy.

Ước lượng nhu cầu đào tạo kỹ sư thủy sản cả về số lượng và chất lượng và lượng.

Xem xét đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm góp phần cải tiến công tác đào tạo kỹ sư thủy sản ở vùng ĐBSCL.

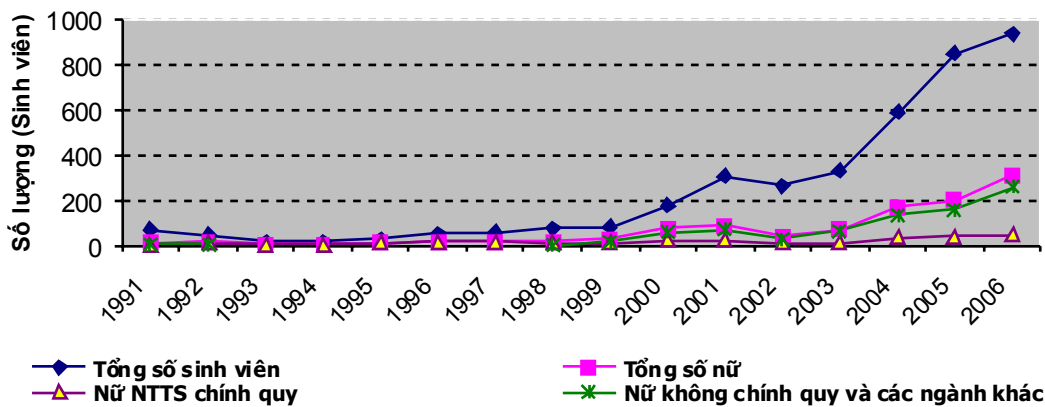
Khảo sát được tiến hành thông qua việc sử dụng các bảng câu hỏi được soạn sẵn có phỏng vấn thử và điều chỉnh trước khi thực hiện khảo sát chính thức trên các nhóm đối tượng: (1) cựu sinh viên, 150 mẫu; (2) sinh viên đang học năm cuối, 120 mẫu; (3) cán bộ quản lý cấp tỉnh, 26 mẫu; (4) người sử dụng kỹ sư thủy sản ở các đơn vị cấp tỉnh và doanh nghiệp

trong-ngoài ngoài quốc doanh cũng như các cơ sở tham gia đào tạo nhân lực cho ngành thủy sản, 50 mẫu. Số liệu thu thập từ các nguồn thứ cấp và khảo sát cá nhân được tổng hợp và xử lý phân tích thống kê mô tả và suy rộng; đối với các biến dùng trong nghiên cứu. Phương pháp dãy số thời gian được áp dụng để ước lượng nhu cầu đào tạo. Phương pháp ma trận SWOT được sử dụng trong nghiên cứu nhằm phân tích thuận lợi khó khăn và lựa chọn giải pháp.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kỹ sư thủy sản đã tốt nghiệp từ khoa Thủy Sản, trường đại học Cần Thơ

Năm 1976 Trường ĐHTC mới bắt đầu đào tạo kỹ sư chuyên ngành thủy sản. Đến nay trường đã đào tạo kỹ sư thủy sản (TS) cung cấp cho ĐBSCL được 33 khóa. Hiện nay, số lượng sinh viên theo học ngành thủy sản ở trường ĐHTC theo số liệu thống kê từ khóa 1-33 là 3.936 sinh viên trong đó đại học chính quy là 2.824 sinh viên còn đại học không chính quy là 1.472 sinh viên. Số theo học ngành Nuôi Trồng Thủy Sản (NTTS), Bệnh Học Thủy Sản (BHTS), Quản Lý Nghề Cá (QLNC) là 2.093 sinh viên, trong đó đại học chính quy là 693 sinh viên còn đại học tại chức là 1.400 sinh viên, số sinh viên khai thác thủy sản là 104.



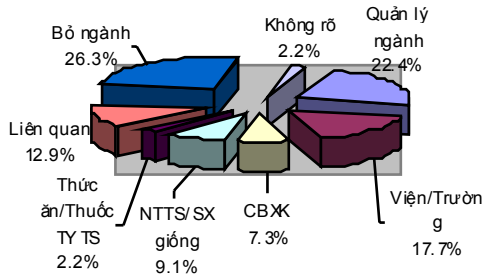
Hình 1: Số lượng sinh viên theo học ngành thủy sản hằng năm của ĐHTC (1991-2006)

Tới năm 2005, có khoảng 5.000 kỹ sư thủy sản đang làm việc trong nhiều lĩnh vực ở ĐBSCL. Những kỹ sư thủy sản này tốt nghiệp hằng năm từ các cơ sở đào tạo nhân lực cho lĩnh vực thủy sản chủ yếu sau: (1) KTS-ĐHTC và hệ thống Trung tâm giáo dục thường xuyên ở các tỉnh ĐBSCL có liên kết đào tạo với ĐHTC cung cấp hơn 60% số lượng; (2) khoảng 3-5% tổng số kỹ sư thủy sản; (3) khoảng 10% số kỹ sư thủy sản của Đại học Nông Lâm - Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đã có thêm Đại học An Giang và Đại học Trà Vinh mở đào tạo ngành thủy sản. Chưa kể một số sinh viên theo học ngành Nông Học, nhưng những năm chuyên ngành đào tạo sâu về thủy sản. ĐHTC không chỉ giúp các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh trong việc xây dựng chương trình đào tạo mà còn hỗ trợ và đào tạo giảng viên cho họ. KTS-ĐHTC ngày càng trở thành địa chỉ tin cậy thu hút học sinh tốt nghiệp phổ thông nộp đơn thi tuyển. Số lượng sinh viên theo học ở KTS-ĐHTC tùy thuộc vào thực trạng phát triển của ngành, đặc biệt tăng nhanh từ năm 2000 do có quan hệ trực tiếp tới chủ trương chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông thôn. Số lượng sinh viên tại chức tăng mạnh hơn sinh viên chính quy nhưng đã giảm bớt trong vòng 1-2 năm nay (KTS-ĐHTC, 2006).

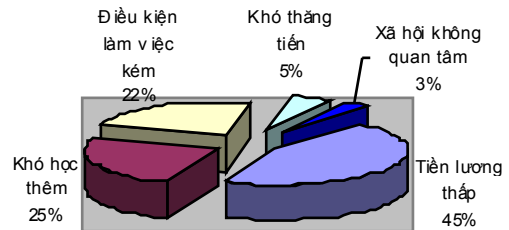
Điểm chuẩn đầu vào tuyển sinh thấp là một lý do bên cạnh một số nguyên nhân khác dẫn đến tỷ lệ sinh viên ngành thủy sản tốt nghiệp hàng năm chưa cao cũng như một số hạn chế của kỹ sư thủy sản sau khi ra trường. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đối với mỗi khóa học chưa cao nhưng gần đây đã được cải thiện rõ (binh quân trước đây đạt 56%, ba năm 2005-2007

đạt 70%) do có đầu tư của Khoa và Trường về trang bị cơ sở vật chất, cải tiến chương trình đào tạo và nâng cấp đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Với tổng số 3.936 kỹ sư thủy sản được đào tạo từ KTS-ĐHCT tính đến năm 2007 thì 90,7% có việc làm trong ngành thủy sản hoặc những lĩnh vực có liên quan đến thủy sản. Trong số kỹ sư thủy sản đã có việc làm, khoảng 22,4% số kỹ sư thuộc hệ chính quy và 38,0% số kỹ sư hệ không chính quy hiện đang công tác tại các cơ quan quản lý ngành ở các địa phương. Do tình hình phát triển của ngành thủy sản ở ĐBSCL nên số lượng sinh viên đầu vào gia tăng và kéo theo số kỹ sư tốt nghiệp của KTS-ĐHCT ngày càng tăng, nhất là từ năm 2000.



Hình 2: Công việc hiện nay của cựu sinh viên nuôi trồng thủy sản (% tổng số)



Hình 3: Các khó khăn của sinh viên thủy sản khi ra trường (% tổng số)

Ngày càng có nhiều kỹ sư thủy sản tham gia kinh doanh trực tiếp trong ngành thủy sản và nhiều người sau khi tốt nghiệp trở thành cán bộ giảng dạy hoặc nghiên cứu viên ở các viện trường. Tuy nhiên, cũng có đến 26,3% số sinh viên, trong đó quá nửa là nữ, đang phải làm việc trong một số ngành nghề không có hoặc rất ít liên quan tới những kỹ năng mà họ đã được đào tạo ở trường đại học. Trước năm 2000, bình quân có khoảng 26,5% số lượng kỹ sư nuôi trồng thủy sản (NTTS) và 45% số lượng kỹ sư khai thác thủy sản bỏ nghề sau khi ra trường do khó kiếm được việc làm trong ngành thủy sản. Trong số kỹ sư nuôi trồng thủy sản bỏ nghề thì 52,6% là nữ. Khi NTTS phát triển thì tỷ lệ bỏ nghề sau khi ra trường đã giảm hẳn, đặc biệt là từ năm 2000 tới nay chỉ có 3% trong số cựu sinh viên bỏ ngành là nữ. Kết hợp với nghiên cứu của Lê Xuân Sinh *et al.*(1997) có thể nhận định rằng một khi sản xuất thủy sản không hiệu quả thì nó sẽ kém hấp dẫn đối với học sinh, sinh viên, đặc biệt là đối với giới nữ.

3.2 Đánh giá về chương trình đào tạo

Khi đánh giá mức hấp dẫn của ngành học, số cựu sinh viên nhận định ngành thủy sản ở mức hấp dẫn và rất hấp dẫn là 52,4%. Tỷ lệ này đối với sinh viên năm cuối tương ứng là 45,1%. Nhìn chung, hiện nay ngành NTTS đang thu hút được rất nhiều sinh viên theo học, đồng thời là điểm đến của nhiều học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học ở ĐBSCL. Còn khoảng 16,1% số sinh viên năm cuối cho rằng đây là ngành học không hấp dẫn (có thể họ là nhóm sinh viên đầu vào theo nguyện vọng 2).

Ý kiến của đa số các cựu sinh viên ngành thủy sản và sinh viên đang theo học năm cuối ở KTS - ĐHCT đa số cho rằng: chương trình học khá nặng về lý thuyết và các môn cơ bản, còn phần thực hành thì chưa đủ. Điều này cho thấy chương trình và nội dung đào tạo cần phải giảm bớt khối lượng giờ lên lớp lý thuyết và tăng thời gian thực hành, thực tập.

Liên quan tới đánh giá việc giảng dạy các môn học thì các sinh viên đang học năm cuối cho rằng việc giảng dạy các môn cơ bản chỉ ở mức trung bình chứ chưa được tốt, còn việc giảng dạy các môn cơ sở ngành và chuyên ngành đã khá tốt.

Bảng 1: Nhận xét về ngành học và chương trình đào tạo NTTS ở ĐHCT (% số mẫu)

Ý kiến nhận xét	Cựu sinh viên (n=150)	Sinh viên năm cuối (n=120)
A. Mức độ hấp dẫn của ngành học		
1. Rất hấp dẫn	6,4	12,9
2. Hấp dẫn	46,0	32,2
3. Bình thường	47,6	38,7
4. Không hấp dẫn	–	16,1
5. Không hấp dẫn về mọi mặt	–	–
B. Kết cấu nội dung chương trình		
1. Nặng về lý thuyết	57,1	48,4
2. Nặng về thực hành	–	6,5
3. Nặng về môn cơ bản	65,1	51,6
4. Nặng về môn cơ sở ngành	4,8	3,2
5. Nặng về môn chuyên ngành	1,6	19,4

Bảng 2 cho thấy việc giảng dạy các môn cơ bản chưa thật sự như mong đợi của sinh viên và khi hỏi có cần điều chỉnh không thì hầu hết họ đều yêu cầu được giảm khối lượng các môn đại cương. Đặc biệt là một số môn rất ít liên quan đến chuyên ngành như các môn chính trị, vật lý đại cương, hoá học đại cương...

Bảng 2: Đánh giá chương trình theo khối kiến thức của sinh viên học năm cuối (n=120)

Mức đáp ứng yêu cầu của sinh viên	Cơ bản	Cơ sở ngành	Chuyên ngành
1. Rất xa mới đáp ứng	12,9	-	-
2. Chưa đáp ứng yêu cầu	12,8	17,4	3,2
3. Trung bình	61,6	63,4	22,2
4. Khá tốt	17,4	19,1	61,9
5. Rất tốt	3,2	-	12,7

Các môn cơ sở ngành cần được rút ngắn về lý thuyết, tăng thời gian thực tế, tăng một số môn cơ sở làm tiền đề cho môn chuyên ngành, cho sinh viên học theo phương pháp tư duy sáng tạo. Việc giảng dạy nặng về lý thuyết để trang bị nền tảng cơ bản là quan điểm trong giáo dục đại học. Tuy vậy, chương trình học của học phần này chưa đi sâu vào thực hành là nguyên nhân gây nhiều bỡ ngỡ và lúng túng trong khi tiếp xúc với thực tế và cũng là một nguyên nhân ảnh hưởng tới khả năng tìm kiếm việc làm hoặc trực tiếp sản xuất kinh doanh sau khi ra trường. Việc gia tăng thực hành là rất cần thiết, đặc biệt là đối với đào tạo trung cấp-cao đẳng vì công việc của họ sau khi ra trường gắn liền với thực tiễn sản xuất.

3.3 Đánh giá của người sử dụng lao động về lao động thủy sản có trình độ đại học

Theo đánh giá của những người sử dụng đối với lao động có trình độ đại học thì kỹ sư ngành thủy sản hiện đang làm việc trong các trường viện hoặc các doanh nghiệp dịch vụ thủy sản có chất lượng (kiến thức và kỹ năng) cao hơn so với kỹ sư thủy sản đang làm việc trong các lĩnh vực hay mảng khác trong ngành thủy sản. Trong số những người sử dụng lao động trả lời phỏng vấn chỉ có 13,5% không thật sự hài lòng với khối kiến thức và kỹ năng của nhân viên đã được họ tuyển dụng. Kiến thức được đào tạo và môi trường làm việc cũng như cách thức sử dụng và quản lý lao động là những yếu tố quan trọng nhất để kỹ sư ngành thủy sản thể hiện năng lực và cải thiện chất lượng lao động.

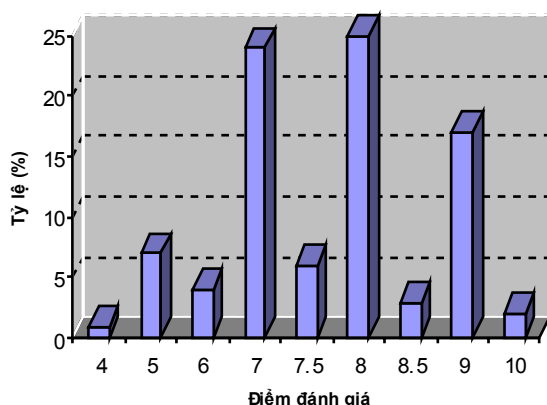
Kiến thức của lực lượng lao động cho tương lai phát triển của ngành đòi hỏi phải có sự hài hòa giữa ba mảng: (1) môi trường, (2) kỹ thuật-sinh học, (3) kinh tế xã hội và chính sách. Những người sử dụng lao động thủy sản có trình độ đại học mong muốn tuyển dụng những kỹ sư có năng lực cao hơn về những vấn đề cụ thể theo chuyên ngành như sau:

Với kỹ sư nuôi trồng thủy sản: (i) quy trình và kỹ thuật nuôi cùng với quản lý dịch bệnh thủy sản; (ii) kỹ thuật sản xuất giống thủy sản; (iii) dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi thủy sản.

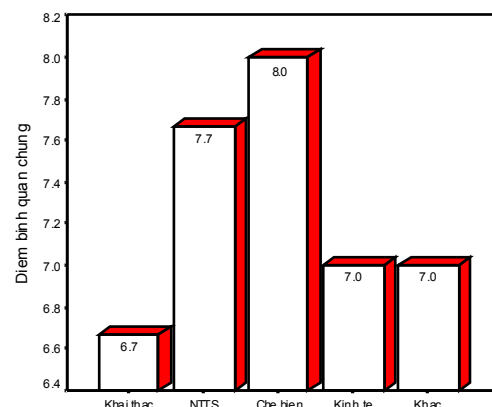
Với kỹ sư khai thác: (i) khả năng đi tàu khai thác trên biển; (ii) kỹ thuật khai thác; (iii) ngư trường & bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Với kỹ sư chế biến thủy sản: (i) quy trình chế biến hiện đại; (ii) công nghệ vận hành máy móc trang thiết bị; (iii) an toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản.

Với cử nhân kinh tế: (i) năng lực và trình độ quản lý; (ii) quản trị sản xuất kết hợp với nghiên cứu thị trường sản phẩm; (iii) luật thương mại.



Hình 4: Chất lượng kỹ sư thủy sản theo đánh giá của người sử dụng lao động (n=65)



Hình 5: Người sử dụng cho điểm lao động có trình độ đại học theo ngành đào tạo (n=65)

Để phát triển nuôi trồng thủy sản thì không chỉ những kiến thức kỹ thuật và mảng kiến thức về quản lý cũng như marketing cũng trở nên quan trọng. Nếu kỹ sư thủy sản bổ sung được kiến thức về bảo quản và sơ chế sản phẩm sau thu hoạch thì càng tốt hơn. Thêm vào đó, trong tiến trình hội nhập hiện nay thì kiến thức về thương mại quốc tế cần được trang bị cho sinh viên.

Những ý kiến đề xuất cho chương trình đào tạo của cựu sinh viên xoay quanh những giải pháp cho các vấn đề như: (1) mở rộng thể chế thương mại; (2) cơ chế thị trường trong sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hóa; (3) hiệu quả trong quản lý và sản xuất kinh doanh.

3.4 Ước lượng nhu cầu đào tạo

Vai trò quan trọng và tiềm năng to lớn của ngành thủy sản ở ĐBSCL không những chỉ thể hiện ở diện tích mặt nước biển lớn mà còn cả ở nhiều loại hình diện tích mặt nước ven biển và nội đồng rất phong phú. Nhu cầu cho phát triển của vùng đến năm 2010 được ước tính trong khoảng 8.000-10.000 kỹ sư thủy sản. Con số này tới năm 2015 được dự báo khoảng 15.000 kỹ sư và sau đó đạt mức ổn định. Như vậy, hằng năm cần đào tạo bổ sung khoảng 250-300 kỹ sư thủy sản cho ĐBSCL. Ngoài ra, đào tạo sau đại học là một nhu cầu thực tế của ngành thủy sản ở ĐBSCL. Ước tính tới năm 2010, mỗi năm cần đào tạo 30-50 thạc sĩ cho ngành thủy sản ở đây (Sở Thủy Sản các tỉnh ĐBSCL). Đào tạo kỹ sư ngành thủy sản cũng cần phải được thực hiện một cách cân đối với đào tạo ở cấp độ trung cấp-cao đẳng và sau đại học. Tỷ lệ số người có trình độ sau đại học cần đặc biệt cao đối với trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo nhân lực cho ngành thủy sản hay cơ quan quản lý ngành ở cấp tỉnh. Trình độ đại học thích hợp nhiều cho cấp tỉnh và huyện. Cấp độ trung cấp và cao đẳng là rất thích hợp cho mạng lưới khuyến nông lâm ngư cấp huyện, cơ sở và đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh.

Với 5 nhóm người sử dụng lao động thủy sản, tỷ lệ số lao động được đào tạo theo các loại bằng cấp được tổng kết trong Bảng 3. So với kết quả dự đoán mà nhóm tác giả Lê Xuân

Sinh (1997) đưa ra thì ngoài sự biến động lớn về nhu cầu nhân lực cho chế biến xuất khẩu thủy sản thì những lĩnh vực khác không mấy khác biệt. Khuynh hướng chung của người sử dụng lao động là muốn có lao động trong đơn vị/cơ sở của mình sẽ được đào tạo hoặc có bằng cấp chuyên môn cao hơn. Các trường viện và các Sở Thủy sản/Sở NN&PTNT có nhu cầu này nhiều nhất và tới năm 2010 sẽ rất khó có việc làm cho lao động có trình độ thấp hơn đại học được làm việc tại các trường viện. Trong thời gian từ cuối thập kỷ trước tới nay, một số lượng đáng kể thạc sĩ đã được đào tạo cho ngành thủy sản trong khi số lượng kỹ sư tăng nhanh. Vì vậy, tỷ lệ về số lượng giữa các trình độ chuyên môn thủy sản trong lực lượng lao động đã và sẽ được tăng thêm cho nhóm có trình độ sau đại học và đại học.

Bảng 3: Tỷ lệ Tiến sĩ/Thạc sĩ : Kỹ sư : Trung cấp thủy sản theo ý kiến của người sử dụng

Nhóm người sử dụng	Tỷ lệ mong muốn 2005*	Tỷ lệ thực 2005	Tỷ lệ mong muốn 2010	Tỷ lệ mong muốn 2015
Sở Thủy Sản/ NN&PTNT (n=32)	1:7,7:8	1:8:8	1:6,1:7,1	1:6:8
Cơ sở sản xuất kinh doanh TS (n=16)	1:2,6:3,6	1:2,4:4,1	1:2:2	1:2:3
Nhà máy chế biến xuất khẩu (n=15)	1:66:125	1:58:120	1:32:68	1:30:70
Trường, viện (n=7)	1:1:0	1:1:0,2	1:1:0	2:1:0
Các cơ quan/đơn vị khác (n=32)	1:6,1:4	1:6,1:4	1:5:4	2:6:4

* Lê Xuân Sinh et al., 1997.

Để sử dụng hợp lý hết tiềm năng sẵn có nhằm đáp ứng những đòi hỏi của quá trình phát triển và hội nhập của vùng và cả nước thì sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật và quản lý có trình độ đại học cho ngành thủy sản ở đây là rất quan trọng. Một khi quy hoạch ngành thủy sản của các địa phương và toàn vùng được được xây dựng và đưa vào thực hiện tốt thì công tác đào tạo nhân lực cho ngành mới có thể được ổn định theo.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Số lượng sinh viên được đào tạo tại KTS-ĐHCT tính đến khóa 33 là 3.936 sinh viên. Lượng sinh viên biến động theo quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở ĐBSCL mà trong đó thủy sản có vai trò là ngành mũi nhọn.

Các ngành học của KTS-ĐHCT cần được mở hoặc duy trì theo nhu cầu phát triển của ngành, sự cân đối giữa các mảng kiến thức và tăng cường thực hành.

Công tác đào tạo cần đáp ứng được yêu cầu từ thực tế phát triển của ngành, đi đôi với việc sắp xếp sử dụng và đãi ngộ cũng như không ngừng cải thiện môi trường làm việc và cơ hội được đào tạo thêm cho người lao động.

Mỗi năm ngành thủy sản ở ĐBSCL cần được bổ sung thêm khoảng 20 cán bộ có trình độ sau đại học và 250-300 kỹ sư thủy sản.

Đào tạo kỹ sư ngành thủy sản phải được cân đối với đào tạo trung cấp-cao đẳng và sau đại học. Quan điểm tăng cường thực hành và đẩy mạnh mối liên kết giữa các “nhà” cũng cần được áp dụng trong chiến lược đào tạo và phát triển nhân lực.

Vai trò và năng lực của KTS-ĐHCT cần được nâng cao hơn nữa. Nhân lực và cơ sở hạ tầng hiện có của Khoa cần được quan tâm đầu tư nhiều hơn bởi cả Bộ Giáo Dục và Đào Tạo và Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn trong chiến lược đầu tư cho đào tạo và nghiên cứu phục vụ sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và ngành thủy sản nói riêng ở ĐBSCL.

CẢM TẠ

Chân thành cảm tạ các cơ quan quản lý ngành, các doanh nghiệp và cựu sinh viên thủy sản ở các tỉnh ĐBSCL đã cung cấp số liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm nghiên cứu.

Vô cùng biết ơn các bạn đồng nghiệp ở khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ và các em sinh viên lớp Khai thác Thủy Sản K.28 đã hỗ trợ và đóng góp một phần không nhỏ vào kết quả của báo cáo khoa học này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Le Xuan Sinh, Nguyen Anh Tuan, M. Korn, H. Demaine and Z. Jeney. 1997. Technical Man-power for aquaculture development in the Mekong river Delta: A Survey on Market Needs. WES project, Cantho University.
- Nguyễn Thanh Long *et al.* 1999. Hiện trạng đào tạo nhân lực vùng ĐBSCL. Tuyển tập công trình Nghiên cứu khoa học – Đại học Cần Thơ, 1999: 203–208
- Sở NN & PTNT các tỉnh khu vực ĐBSCL (2001-2006). Báo cáo hàng năm và Quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn tới năm 2010.
- Sở Thủy Sản các tỉnh khu vực ĐBSCL (2001-2006). Báo cáo hàng năm và Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tới năm 2010.